

Số: 122 /2014/HĐKT-AFCVN

HỢP ĐỒNG KIỂM TOÁN

V/v: Kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/03/2015
của Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/6/2005;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam quy định về hoạt động thương mại;
- Căn cứ Luật kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29/03/2011 của Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về kiểm toán độc lập và Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13/03/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập;
- Căn cứ Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 210 về Hợp đồng kiểm toán;
- Căn cứ vào yêu cầu của CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU,

Hôm nay, ngày 19 tháng 09 năm 2014, chúng tôi gồm có :

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU

Người đại diện : Ông TẠ HUY PHONG
Chức vụ : Giám đốc Điều hành
Theo nội dung Giấy Ủy quyền : Số 001/GUQ/2014 ngày 02 tháng 01 năm 2014
Địa chỉ : Số 1 đường Sáng Tạo, Phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, Tp. HCM
Điện thoại : (08) 3770 1055
Fax : (08) 3770 1056
Tài khoản số : 007 100 449 2522
Tại Ngân hàng : Vietcombank HCM
Mã số thuế : 0 3 0 1 4 4 6 8 6 3

BÊN B: CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

Người đại diện : Bà ĐẶNG THỊ MỸ VÂN
Chức vụ : Tổng Giám đốc
Địa chỉ : Tòa nhà Indochina Park Tower, Số 04
Nguyễn Đình Chiểu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 2 2200 237
Email : pkf.afchcm@pkf.afcvietnam.vn
Fax : (08) 2 2200 265
Tài khoản tiền Việt Nam số : 007.1.00.007801.4
Tại Ngân hàng Ngoại Thương TP. Hồ Chí Minh
Mã số thuế : 0 3 0 0 4 4 8 9 9 5

Sau khi bàn bạc và thương lượng, hai bên cùng thỏa thuận ký hợp đồng gồm các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên B đồng ý cung cấp cho bên A dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo chuẩn mực kế toán Việt Nam của bên A, bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán của bên B được thực hiện với mục tiêu đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính của bên A.

Công việc kiểm toán của bên B sẽ bao gồm:

- Thực hiện soát xét báo cáo tài chính riêng và hợp nhất của bên A cho thời kỳ 06 tháng kết thúc ngày 30/09/2014;
- Kiểm toán báo cáo tài chính riêng và hợp nhất của bên A cho niên độ kết thúc ngày 31/03/2015

ĐIỀU 2: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

2.1 Trách nhiệm của bên A

Cuộc kiểm toán của bên B sẽ được thực hiện trên cơ sở Ban Giám đốc và Ban quản trị của bên A (trong phạm vi phù hợp) hiểu và thừa nhận có trách nhiệm:

- Đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng;
- Đối với kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Đảm bảo cung cấp kịp thời cho bên B:
 - Quyền tiếp cận với tất cả tài liệu, thông tin mà Ban Giám đốc nhận thấy là có liên quan đến quá trình lập và trình bày báo cáo tài chính như chứng từ kế toán, sổ kế toán, tài liệu và các vấn đề khác;
 - Các thông tin bổ sung mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán yêu cầu Ban Giám đốc cung cấp hoặc giải trình để phục vụ cho mục đích của cuộc kiểm toán;
 - Quyền tiếp cận không hạn chế đối với nhân sự của bên A mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán xác định là cần thiết để thu thập bằng chứng kiểm toán. Bố trí nhân sự liên quan cùng làm việc với bên B trong quá trình kiểm toán.

Ban Giám đốc và Ban quản trị của bên A (trong phạm vi phù hợp) có trách nhiệm cung cấp và xác nhận bằng văn bản về các giải trình đã cung cấp trong quá trình kiểm toán vào "Thư giải trình của Ban Giám đốc và Ban quản trị".

Tạo điều kiện thuận tiện cho các nhân viên của bên B trong quá trình làm việc tại Văn phòng của bên A.

Thanh toán đầy đủ phí dịch vụ kiểm toán và các phí khác (nếu có) cho bên B theo quy định tại Điều 4 của hợp đồng này.



Handwritten signature or initials in blue ink.

2.2 Trách nhiệm của bên B

Bên B sẽ thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, pháp luật và các quy định có liên quan. Các chuẩn mực kiểm toán này quy định bên B phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính, xét trên phương diện tổng thể, có còn sai sót trọng yếu hay không. Trong cuộc kiểm toán, bên B sẽ thực hiện các thủ tục để thu thập bằng chứng kiểm toán về số liệu và thông tin trình bày trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được thực hiện tùy thuộc vào đánh giá của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc do nhầm lẫn.

Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá sự phù hợp của các chính sách kế toán đã được sử dụng và các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính.

Bên B có trách nhiệm thông báo cho bên A về nội dung và kế hoạch kiểm toán, cử kiểm toán viên và các trợ lý có năng lực và kinh nghiệm thực hiện kiểm toán.

Bên B thực hiện công việc kiểm toán theo nguyên tắc độc lập, khách quan và bảo mật số liệu. Theo đó bên B không được quyền tiết lộ cho bất kỳ một bên thứ ba nào mà không có sự đồng ý của bên A, ngoại trừ theo yêu cầu của pháp luật và các quy định có liên quan, hoặc trong trường hợp những thông tin như trên đã được các cơ quan quản lý Nhà nước phổ biến rộng rãi hoặc đã được bên A công bố.

Bên B có trách nhiệm yêu cầu bên A xác nhận các giải trình đã cung cấp cho bên B trong quá trình thực hiện kiểm toán. Theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, việc đáp ứng các yêu cầu này và Thư giải trình của Ban Giám đốc và Ban quản trị bên A về những vấn đề liên quan là một trong những cơ sở để bên B đưa ra ý kiến của mình về báo cáo tài chính của bên A.

Để đánh giá rủi ro, bên B sẽ xem xét kiểm soát nội bộ mà bên A sử dụng trong quá trình lập báo cáo tài chính để thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp trong từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ của bên A. Tuy nhiên, bên B sẽ thông báo tới bên A bằng văn bản về bất kỳ khiếm khuyết nào trong kiểm soát nội bộ mà bên B phát hiện được trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính.

Bên B sẽ thực hiện kế hoạch kiểm toán theo đúng nguyên tắc độc lập, khách quan và bảo mật số liệu của Bên A.

Đảm bảo Bên B được UBCKNN cấp phép hoạt động kiểm toán trong lĩnh vực chứng khoán và kiểm toán viên ký báo cáo của Bên A là người có tên trong danh sách kiểm toán viên hành nghề được UBCKNN chấp thuận cho kiểm toán trong lĩnh vực chứng khoán.

ĐIỀU 3: BÁO CÁO KIỂM TOÁN

3.1 Sau khi hoàn tất việc soát xét giữa niên độ, Bên B sẽ cung cấp cho Bên A:

- Báo cáo soát xét về báo cáo tài chính riêng của bên A cho thời kỳ 06 tháng kết thúc ngày 30/09/2014;
- Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất của bên A cho niên độ kết thúc ngày 30/09/2014.

Mỗi bộ báo cáo được lập thành 09 (chín) bộ tiếng Việt và 03 (ba) bộ tiếng Anh. Bên A giữ 08 (tám) bộ tiếng Việt và 02 (hai) bộ tiếng Anh. Bên B giữ 01 (một) bộ cho mỗi thứ tiếng

3.2 Sau khi hoàn tất cuộc kiểm toán cuối niên độ, Bên B sẽ cung cấp cho Bên A:

- Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính riêng của Bên A cho niên độ kết thúc ngày 31/03/2015;
- Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất của Bên A cho niên độ kết thúc ngày 31/03/2015.

Mỗi bộ báo cáo kiểm toán được lập thành 09 (chín) bộ tiếng Việt và 03 (ba) bộ tiếng Anh. Bên A giữ 08 (tám) bộ tiếng Việt và 02 (hai) bộ tiếng Anh, Bên B giữ 01 (một) bộ cho mỗi thứ tiếng.

- Thư quản lý kèm theo (nếu có) đề cập tới các mặt hạn chế cần khắc phục và ý kiến đề xuất của Kiểm toán viên nhằm cải tiến hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ.

Báo cáo kiểm toán sẽ được lập bằng văn bản, gồm các nội dung theo quy định của Luật kiểm toán độc lập, Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 700, các chuẩn mực kiểm toán và quy định pháp lý khác có liên quan.

- 3.3 Trong trường hợp bên A dự định phát hành báo cáo kiểm toán của bên B dưới bất kỳ dạng tài liệu nào, hoặc phát hành các tài liệu trong đó có các thông tin về báo cáo tài chính đã được kiểm toán, Ban Giám đốc bên A đồng ý rằng họ sẽ cung cấp cho bên B một bản của tài liệu này và chỉ phổ biến rộng rãi các tài liệu này sau khi có sự đồng ý của bên B bằng văn bản.
- 3.4 Trường hợp Bên A yêu cầu phát hành nhiều hơn số lượng báo cáo như nêu tại mục 3.1, 3.2 điều 3 thì Bên B sẽ tính phí phát sinh là 100.000 VND/ bộ báo cáo.

ĐIỀU 4: PHÍ DỊCH VỤ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

4.1 Phí dịch vụ

	VND
Phí kiểm toán BCTC riêng	45.000.000
Phí kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất	20.000.000
Cộng	65.000.000
Thuế giá trị gia tăng (10 %)	6.500.000
Tổng phí thanh toán	71.500.000

(Bằng chữ: bảy mươi một triệu năm trăm ngàn đồng)

4.2 Bên A sẽ thanh toán cho Bên B theo các đợt như sau:

	VND
Thanh toán 30% khi Bên B bắt đầu thực hiện công việc soát xét	21.450.000
Thanh toán 30% khi Bên B thực hiện kiểm toán cuối năm	21.450.000
Thanh toán 40% còn lại sau khi Bên B hoàn tất và giao báo cáo kiểm toán	28.600.000
	71.500.000

4.3 Bên A sẽ thanh toán cho Bên B bằng hình thức chuyển khoản qua ngân hàng.

4.4 Bên B có trách nhiệm phát hành hóa đơn GTGT cho Bên A sau khi Bên A thanh toán phí dịch vụ cho Bên B.

ĐIỀU 5: THỜI GIAN KIỂM TOÁN VÀ PHÁT HÀNH BÁO CÁO KIỂM TOÁN

<u>Nội dung</u>	<u>Thời gian</u>
<u>Soát xét BCTC kết thúc ngày 30/9/2014</u>	
Bắt đầu soát xét	20/10/2014
Bên B gửi danh sách tài liệu yêu cầu cho Bên A	7 ngày trước khi soát xét
Bên A cung cấp tài liệu theo yêu cầu Bên B	3 ngày trước khi soát xét
Bên B đưa ra bút toán điều chỉnh	3 ngày sau khi kết thúc soát xét tại văn phòng bên A
Bên A giải quyết các vấn đề tồn đọng và ý kiến trên bút toán điều chỉnh	trong 7 ngày từ khi Bên B gửi bút toán điều chỉnh
Phát hành dự thảo báo cáo soát xét	trong 7 ngày trước khi phát hành báo cáo chính thức
Phát hành báo cáo soát xét chính thức	Ngày 15/11/2014
Phát hành báo cáo hợp nhất soát xét chính thức	Ngày 25/11/2014
<u>Kiểm toán BCTC kết thúc ngày 31/3/2015</u>	
Bắt đầu công việc kiểm toán	22/4/2015
Bên B gửi danh sách tài liệu yêu cầu cho Bên A	7 ngày trước khi kiểm toán
Bên A cung cấp tài liệu theo yêu cầu Bên B	3 ngày trước khi kiểm toán
Bên B đưa ra bút toán điều chỉnh	3 ngày sau khi kết thúc kiểm toán tại văn phòng bên A
Bên A giải quyết các vấn đề tồn đọng và ý kiến trên bút toán điều chỉnh	trong 7 vòng ngày từ khi Bên B gửi bút toán điều chỉnh
Phát hành dự thảo báo cáo kiểm toán	trong 7 vòng ngày làm việc trước khi phát hành báo cáo chính thức
Phát hành báo cáo kiểm toán riêng chính thức	Ngày 22/05/2015
Phát hành báo cáo kiểm toán hợp nhất chính thức	Ngày 27/05/2015

ĐIỀU 6: PHẠT HỢP ĐỒNG

Đối với công ty niêm yết: đảm bảo cung cấp kịp thời, đầy đủ cho Bên A các báo cáo tài chính soát xét, kiểm toán để Bên A nộp cho UBCKNN, Sở GD&ĐT HCM theo đúng qui định về công bố thông tin. Nếu Bên B chậm trễ phát hành báo cáo không đúng thời hạn qui định tại điều 5 (do lỗi của Bên B) làm cho Bên A không công bố thông tin kịp thời thì Bên B phải chịu mọi trách nhiệm liên quan theo qui định của pháp luật.

Đối với công ty không niêm yết: Nếu bên nào không đáp ứng thời hạn qui định tại điều 5 nêu trên dẫn đến chậm trễ phát hành báo cáo của Bên A và/hoặc báo cáo của công ty mẹ thì Bên vi phạm phải chịu phạt 0.5% giá trị hợp đồng / ngày làm việc nhưng tối đa không quá 8% giá trị hợp đồng.

ĐIỀU 7: CAM KẾT THỰC HIỆN

Hai bên cam kết thực hiện tất cả các điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, hai bên phải kịp thời thông báo cho nhau để cùng tìm phương án giải quyết. Mọi thay đổi phải được thông báo trực tiếp cho mỗi bên bằng văn bản (hoặc qua email) theo địa chỉ trên đây.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có bất đồng ý kiến mà thương lượng không có kết quả, vụ việc sẽ được tòa án kinh tế thụ lý và giải quyết. Trong thời gian chờ phán quyết của tòa án, các bên vẫn phải thực hiện đúng các điều đã cam kết trong hợp đồng.

ĐIỀU 8: HIỆU LỰC, NGÔN NGỮ VÀ THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này được lập thành bốn (04) bản tiếng Việt, mỗi bên giữ hai (02) bản tiếng Việt có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày có đủ chữ ký, con dấu của cả hai bên.

Hợp đồng này tự động được thanh lý sau khi bên A và bên B đã hoàn thành trách nhiệm của mỗi bên

ĐẠI DIỆN BÊN A

TẠ HUY PHONG

ĐẠI DIỆN BÊN B

ĐẶNG THỊ MỸ VÂN